TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22- 4 - 2025.
V/v tranh chấp Ly hôn, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Thuỳ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

Ông Bạch Nhật Tuyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 201/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị La Thị Mỹ T, sinh năm 1990.
ĐKTT: Số D, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: Số A, ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L- Luật sư văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

2.Bị đơn: Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1990.
ĐKTT: Số D, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: Số A, ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị N, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số D, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên toà, luật sư L, chị T, anh H, chị N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn là chị La Thị Mỹ T trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm đến năm 2011 thì tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/02/2012 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu, lúc kinh tế gia đình còn khó khăn thì hạnh phúc, đến năm 2024 khi kinh tế gia đình ổn định thì anh H lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên có thái độ gay gắt với chị T, đôi lúc còn hành hung chị T, anh H có khi ở ngoài qua đêm không về nhà, chi phí sinh hoạt gia đình đều do chị T lo, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cả hai không còn thương yêu, quan tâm, lo lắng cho nhau. Hiện sống chung nhà nhưng mọi sinh hoạt điều riêng tư, không ngủ chung với nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm với anh H không còn, không cần có thêm thời gian để suy nghĩ đoàn tụ, tiếp tục chung sống vợ chồng với anh H, hôn nhân với anh H không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn anh H.

- Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 07/4/2013, Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 21/10/2015 và Trần Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/5/2020; hiện 03 con đang sống chung với chị T và anh H.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con, mỗi cháu 1.200.000đ/tháng cho đến khi con thành niên.

- Về chia tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Trần Ngọc H trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với trình bày của chị T về thời gian tìm hiểu, đám cưới, đăng ký kết hôn.

Đối với nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn do chị T ghen tuông anh H có người phụ nữ khác nên chị T tỏ ra lạnh nhạt, không nói chuyện với anh H, không quan tâm, lo lắng cho anh H, nhưng thực tế anh H chỉ có cử chỉ thân mật với bạn bè là nữ, do là quan hệ bạn bè nên ăn nhậu chung chứ không có tình cảm gì, nhưng chị T không tin, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, hiện vợ chồng có sống chung nhà nhưng không ngủ chung và sinh hoạt riêng, trước đây chị T có ý định ly hôn anh H nhưng hai bên đã hàn gắn đoàn tụ. Nay chị T nghe lời người khác nên muốn ly hôn với anh H mục đích là đuổi anh H đi. Hiện anh H xác định còn thương vợ, thương con nên

không đồng ý ly hôn chị T, anh H yêu cầu được đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị T.

- Về nuôi con chung: Anh H và chị T có 03 con chung tên Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 07/4/2013, Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 21/10/2015 và Trần Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/5/2020; hiện 03 con đang sống chung với chị T và anh H. Anh H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T, Toà án giải quyết theo quy định.

- Về chia tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị N trình bày:

Đối với quyền sử dụng đất tại thửa 355, tờ bản đồ 78, diện tích 1.983 m^2, loại đất lúa toạ lạc xã T, huyện L, Đồng Tháp, có giá trị 1.300.000.000đ. Trong đó có 50% là phần vốn của chị N, 50% còn lại của chị T và anh H tương đương 650.000.000đ. Các bên tự thoả thuận, chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Luật sư Nguyễn Thị Kim L – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị La Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống hôn nhân của chị T và anh H không còn hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cải nhau, anh H mặc dù không thừa nhận có người phụ nữ khác nhưng chị T và gia đình hai bên điều biết và khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi. Chị T không còn tin tưởng anh H, hai bên không còn quan tâm, lo lắng, thương yêu nhau. Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị La Thị Mỹ T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 07/4/2013, Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 21/10/2015 và Trần Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/5/2020; hiện 03 con đang sống chung với chị T và do chị T chăm sóc, đưa đón đi học, chi phí sinh hoạt do chị T chi trả. Nên chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con, mỗi cháu 1.200.000đ/tháng cho đến khi con thành niên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung: Các bên sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị La Thị Mỹ T. Về con chung: Chị T được quyền nuôi dưỡng 03 con chung tên Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 07/4/2013, Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 21/10/2015 và Trần Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/5/2020, anh H cấp dưỡng nuôi 03 cháu theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn bị đơn. Qua xác minh công an xã T bị đơn hiện sinh sống tại địa chỉ đăng ký thường trú: Số D, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, đồng thời, các đương sự thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc giải quyết; xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ vợ chồng*: Chị La Thị Mỹ T và anh Trần Ngọc H chung sống vợ chồng từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2012 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi nhau, do chị T ghi ngờ anh H có tình cảm với người phụ nữ khác, nên không còn tin tưởng anh H, vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm, không còn thương yêu chăm sóc nhau, mọi sinh hoạt riêng tư, không nói chuyện với nhau, không khí gia đình ngột ngạt, mặc dù anh H không thừa nhận có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chị T đã tỏ thái độ khó chịu, không đồng ý nhưng anh H vẫn qua lại với người phụ nữ này, không giải quyết được sự nghi ngờ, ghen tuông của chị T. Phía anh H không đồng ý ly hôn, cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T, nhưng anh không có giải pháp, cách thức nào xóa mâu thuẫn, để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà theo thời gian tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, rạn nứt không thể hàn gắn. Trước đây, chị T cũng đã có ý định ly hôn anh H do mâu

thuẫn vợ chồng sau đó chị T cho anh H cơ hội hàn gắn nên không nộp đơn khởi kiện ly hôn, tuy nhiên vợ chồng hàn gắn chỉ được một thời gian thì lại mâu thuẫn. Hiện chị T không còn quan tâm đến anh H, luôn lạnh nhạt với anh H, giữa chị T và anh H không còn sự quan tâm lẫn nhau, quá trình làm việc, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng phía chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kiên quyết xin ly hôn anh H, không đồng ý đoàn tụ chung sống với anh H.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được …*".

Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*

[2.2.1]. Quá trình chung sống chị T và anh H có 03 con chung Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 07/4/2013, Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 21/10/2015 và Trần Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/5/2020, hiện đang sống chung với chị T và anh H. Chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 cháu mỗi tháng 1.200.000đ.

Xét thấy: Cháu H1, cháu H2 và cháu H3 từ khi sinh ra cho đến nay đã sống chung với nhau và cùng do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, hiện 03 cháu là nữ và còn nhỏ, cháu H3 thì còn quá nhỏ cần được mẹ chăm sóc. Ngoài ra, cháu H1 và cháu H2 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu H1, cháu H2, cháu H3 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho 03 cháu.

[2.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.200.000đ/tháng nhưng anh H không đồng ý. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân Tối cao quy định, trường hợp các bên không thoả thuận được mức cấp dưỡng thì Toà án căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng để quyết định, nhưng mức cấp dưỡng không thấp hơn ½ tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính

Phủ thì anh H đăng ký thường trú tại thành phố S (thuộc vùng III), mức lương tối thiểu của Vùng theo tháng là 3.860.000đ. Như vậy, mức cấp dưỡng cho con do Toà án quyết định sẽ không thấp hơn 1.930.000đ/con/tháng. Tuy nhiên, xét thấy chị T xác định ngoài tiền anh H cấp dưỡng thì chị T cũng có thu nhập 6.000.000đ/tháng để lo cho các con, do đó chị T tự nguyện yêu cầu mức cấp dưỡng chỉ 1.200.000đ/con/tháng, vì thu nhập của anh H cũng không ổn định dao động từ 5-10 triệu đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyên yêu cầu cấp dưỡng của chị T là mỗi cháu 1.200.000đ/tháng.

[2.2.3]. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; không ai được cản trở. Nếu anh H có đủ căn cứ cho rằng chị T không còn đủ điều kiện nuôi con hoặc ngược đãi con thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. V*ề tài sản chung:* Chị T, anh H và chị N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. V*ề nợ chung:* Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị La Thị Mỹ T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn. Anh Trần Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[**4]**. Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận như đã nhận định trên.

[5]. *Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Từ những nhận định trên, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị La Thị Mỹ T. Cho chị La Thị Mỹ T và anh Trần Ngọc H ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị La Thị Mỹ T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 07/4/2013, Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 21/10/2015 và Trần Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/5/2020, hiện đang sống chung với chị T và anh H.

Anh Trần Ngọc H có trách nhiệm giao 03 con chung tên Trần Thị Ngọc H1, Trần Thị Ngọc H2 và Trần Thị Ngọc H3 cho chị La Thị Mỹ T nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc 03 con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 07/4/2013, Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 21/10/2015 và Trần Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/5/2020 với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.200.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ lúc bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*:

- Chị La Thị Mỹ T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, chị T đã nộp theo biên lai thu số: 0008018 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ vào án phí phải nộp. Chị La Thị Mỹ T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 11.000.000đ đã nộp theo biên lai số 0008019 ngày 06/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

- Anh Trần Ngọc H chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục T;
- UBND xã T, TP S;
(*GCNKH số: 11 ngày 03/02/2012)*
- Các đương sự;

Võ Thanh T

- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Võ Thanh Thuỳ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

***Nơi nhận*:Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Khánh Đông, TP Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Võ Thanh Thuỳ